Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 88

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ BAO LA

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Tỉnh lộ 439	Giáp địa giới hành chính xã Mai Hạ	Suối Hùng	500	420	340	310	270	210	280	240	190
2		Suối Hùng	Ngã ba Pù Pét	800	700	590	350	290	240	490	430	360
3		Ngã ba cây sữa xóm Páo	Hết địa giới hành chính xã Bao La	550	480	400	390	330	280	350	290	250
4		Ngã ba cây sữa xóm Páo	Hết thửa đất nhà ông Hòa	380	310	230	270	220	160	240	190	150
5	Đường trục xã	Ngã ba Pù Pét	Hết khu dân cư xóm Bước, địa giới Xăm Khòe - Bao La cũ	750	650	550	330	280	220	460	410	340
6		Giáp địa giới hành chính xã Mai Hạ	Hết địa giới xã Bao La (giáp Thành Sơn - Thanh Hóa)	400	330	310	280	230	180	260	210	160
7		Ngã ba đi xóm Bạnh	Khu nghỉ dưỡng Avana	450	380	300	320	270	220	280	240	190
8		Ngã ba Nà Chào	Đi vòng qua nghĩa trang Phày Mòn đến ngã ba Quyết Thắng	380	310	230	270	220	160	240	190	150
9		Địa giới Xăm Khòe-Bao La cũ (xóm Bước- Xóm Băng)	Hết địa giới xã Bao La (giáp xã Pà Cò)	380	310	230	270	220	160	240	190	150
10		Ngã ba cây thị xóm Nám	Hết xóm Te	380	310	230	270	220	160	240	190	150
11		Ngã 4 nhà ông Nghiệp đi theo các tuyến nội xóm	Ngã tư nhà ông Tướm	450	380	300	320	270	220	280	240	190
12		Ngã ba ba nhà ông Vình	Đi vòng đường nội xóm đến ngã ba 3 nhà ông Long	450	380	300	320	270	220	280	240	190
13	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			250			190			170		